

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐẾN NĂNG SUẤT CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH CHẾ TẠO KIM LOẠI VIỆT NAM

Vương Thị Thanh Trì, Vũ Lê Hằng,
Nguyễn Hồng Nga, Nguyễn Thị Vân Nga*

Tóm tắt

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là đánh giá sự tác động của đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) đến hiệu quả và năng suất các doanh nghiệp ngành chế tạo kim loại Việt Nam. Nhằm giúp người đọc dễ dàng tiếp cận, một nghiên cứu thực nghiệm được thực hiện với dữ liệu ngành chế tạo kim loại từ năm 2000-2012 trên cơ sở phân tích năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) ước lượng được theo phương pháp bán tham số, nghiên cứu đánh giá tác động lan tỏa theo chiều ngang và kênh lan tỏa theo chiều dọc của FDI đã được xây dựng trên phạm vi toàn quốc với cả dữ liệu chéo và dữ liệu mảng. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng các doanh nghiệp FDI ngành chế tạo kim loại Việt Nam không có tác động tích cực lên hiệu quả và năng suất của các doanh nghiệp nội địa trong ngành, thể hiện ở các hệ số biến lan tỏa ngang, lan tỏa dọc đều mang giá trị âm.

Từ khóa: Chế tạo kim loại, phương pháp bán tham số, lan tỏa dọc, lan tỏa ngang, năng suất, tác động đầu tư trực tiếp nước ngoài, FDI, TFP.

1. Giới thiệu

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (đầu tư nước ngoài trực tiếp, đầu tư trực tiếp hay đầu tư nước ngoài - FDI) là một dạng đầu tư mà nhà đầu tư có quyền kiểm soát đáng kể ở nước ngoài (Markusen và cộng sự, 1995). FDI “đề cập đến đầu tư được thực hiện để thu về lợi ích lâu dài hay trong dài hạn từ các doanh nghiệp hoạt động bên ngoài nền kinh tế của nhà đầu tư” (Sổ tay Cán cân thanh toán của Quỹ Tiền tệ Quốc tế). FDI phản ánh mục tiêu đạt được một lợi ích lâu dài của một chủ thể cư trú ở một nền kinh tế (“nhà đầu tư trực tiếp”) trong một doanh nghiệp cư trú ở một nền kinh tế khác với nền kinh tế của nhà đầu tư (“doanh nghiệp đầu tư trực tiếp”). Lợi ích lâu dài ngụ ý sự tồn tại của một mối quan

hệ lâu dài giữa nhà đầu tư trực tiếp và doanh nghiệp cũng như mức độ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động điều hành của doanh nghiệp. FDI liên quan đến cả giao dịch ban đầu giữa hai pháp nhân và tất cả các giao dịch vốn tiếp theo giữa họ và giữa các doanh nghiệp trực thuộc với nhau, dù có tư cách pháp nhân hay không. (Chuẩn đối sánh, OECD 1996, p7-8).

2. Tổng quan nghiên cứu

Thực tế cho thấy đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có thể có lợi cho nước chủ nhà bằng cách tạo ra hiệu ứng lan tỏa đến các phần còn lại của nền kinh tế, mà không đơn thuần là mang lại nguồn vốn. Một trong những động lực chính cho chính phủ trên khắp thế giới thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là niềm tin rằng sự có mặt của FDI sẽ giúp doanh nghiệp trong nước được hưởng lợi. Ngân hàng Thế giới (1993) chỉ ra rằng “FDI mang lại lợi ích đáng kể cho các quốc gia: chuyển giao công nghệ, quản lý kiến thức, và truy cập tiếp thị xuất khẩu”. Nhiều nước đang phát triển sẽ cần phải có chính sách hiệu quả hơn trong việc thu hút dòng vốn FDI để thu hẹp khoảng cách công nghệ với các nước có thu nhập cao, nâng cấp kỹ năng quản lý và phát triển thị trường xuất khẩu. Kết quả là đã khuyến khích các nước phát triển, đang phát triển tạo ra các chương trình tốn kém, chẳng hạn như giảm thuế, cơ sở hạ tầng công nghiệp được trợ cấp và miễn thuế, nhằm thu hút FDI. Từ năm 1991 đến năm 2002, các nước đang phát triển thực hiện hơn 1.500 thay đổi pháp lý thuận lợi cho FDI (UNCTAD, 2003, p.21). Mặc dù tầm quan trọng của FDI để lựa chọn chính sách thu hút, nghiên cứu thực nghiệm gần đây về tác động lan tỏa FDI cho nhiều kết quả khác nhau.

Từ năm 1987 khi Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành, đến nay dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam đã có tác động nhanh chóng thúc đẩy

* Th.S Vương Thị Thanh Trì, Th.S Vũ Lê Hằng, Th.S Nguyễn Hồng Nga, Th.S Nguyễn Thị Vân Nga - Khoa Kinh tế Quản lý - Đại học Thăng Long.

tăng trưởng kinh tế và trở thành một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế. Cùng với đó, FDI thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động và mở rộng hội nhập với thế giới. FDI đang được xem là một kênh đầu tư có tác động khá tích cực và làm thay đổi hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam. Tính đến ngày 15/12/2014, Việt Nam có 17.499 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 250,6 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án FDI ước đạt 124,5 tỷ USD, bằng 50% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực. Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với 139,9 tỷ USD, chiếm 56% tổng vốn đầu tư, tiếp theo là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 48,1 tỷ USD (chiếm 19,2% tổng vốn đầu tư), xây dựng với 11,3 tỷ USD (chiếm 4,5% tổng vốn đầu tư). Tính đến nay đã có 101 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam, trong đó đứng đầu là Hàn Quốc với tổng vốn đăng ký 37,2 tỷ USD (chiếm 14,8% tổng vốn đầu tư), Nhật Bản theo sát với 36,8 tỷ USD (chiếm 14,7% tổng vốn đầu tư), tiếp theo lần lượt là Singapore và Đài Loan, Britishvirgin Island, Hồng Kông. FDI đã có mặt ở 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, trong đó thành phố Hồ Chí Minh vẫn là địa phương dẫn đầu trong thu hút FDI với 37,9 tỷ USD (chiếm 15% tổng vốn đầu tư), tiếp theo là Bà Rịa – Vũng Tàu với 26,7 tỷ USD (chiếm 10,6% tổng vốn đầu tư), Hà Nội với 23,4 tỷ USD (chiếm 9,3% tổng vốn đầu tư), Đồng Nai với 21,5 tỷ USD (chiếm 8,6% tổng vốn đầu tư) và Bình Dương với 19,9 tỷ USD (chiếm 7,9% tổng vốn đầu tư)¹.

Theo Báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài cho biết, tính đến hết quý I/2015, có 267 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn đăng ký đạt hơn 1,2 tỷ USD, bằng 59,4% so với cùng kỳ. Việt Nam đã thu hút được 1,837 tỷ USD vốn FDI trong đó, lĩnh vực xây dựng, bất động sản

dẫn đầu với 203 triệu USD đăng ký mới².

Tính lũy kế đến tháng 11/2014, riêng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trên cả nước đã thu hút được 9.407 dự án với tổng vốn đăng ký lên tới 138,5 tỷ USD (chiếm 56% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước). Quy mô vốn bình quân một dự án của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là 14,7 triệu USD, cao hơn quy mô bình quân một dự án FDI của toàn quốc. Đến cuối năm 2014, có tới 80/101 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án FDI tại Việt Nam đã đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Dẫn đầu 80 quốc gia và vùng lãnh thổ này là Nhật Bản, có 1.282 dự án và 30,58 tỷ USD vốn đầu tư đăng ký, chiếm 22,1% tổng vốn đầu tư đăng ký (Cục Đầu tư nước ngoài, 2014).

Bên cạnh những nghiên cứu định tính vừa kể trên, chúng ta sẽ điểm qua một vài nghiên cứu định lượng liên quan đến tác động FDI đến năng suất doanh nghiệp nội địa. Nguyễn Khắc Minh và cộng sự khi xem xét vai trò của lan tỏa công nghệ trong hội tụ năng suất đã đề xuất xây dựng các biến biểu thị kênh truyền tải tiến bộ công nghệ từ doanh nghiệp có năng suất cao sang doanh nghiệp có năng suất thấp và lượng hóa được ảnh hưởng của lan tỏa công nghệ. Hà Quỳnh Hoa và cộng sự đã xây dựng mô hình ước lượng hàm sản xuất theo mô hình bán tham số với các biến giải thích là các biến biểu thị các kênh lan tỏa FDI và các biến biểu thị đặc trưng doanh nghiệp để xem xét tác động của doanh nghiệp FDI đến các doanh nghiệp ở địa phương trong nghiên cứu về tác động của FDI lên năng suất và hội tụ năng suất ở cấp độ doanh nghiệp của ngành chế tạo.

Đặc điểm chung của các doanh nghiệp ngành chế tạo kim loại ở Việt Nam phần lớn tăng trưởng đầu ra chủ yếu dựa vào vốn và lao động, sự đóng góp của các yếu tố năng suất nhân tố tổng hợp TFP hiện nay còn nhỏ và chưa thực sự đồng đều trong nội lực phát triển. Trong khi đó trình độ công nghệ được coi là đòn bẩy cho sự phát triển còn thấp. Tuy nhiên đối với các doanh nghiệp FDI trong ngành này với số vốn đầu tư

¹ Tình hình đầu tư nước ngoài tại Việt Nam <http://fia.mpi.gov.vn/TinBai/2569/Tinh-hinh-DTNN-tai-Viet-Nam-nam-2014> tải ngày 21/06/2015

² FDI tác động thế nào đến kinh tế Việt Nam? <http://vnmedia.vn/VN/kinh-doanh/doanh-nghiep/fdi-tac-dong-the-nao-den-kinh-te-viet-nam-26-3638589.html> cập nhật ngày 26-05-2015

lớn hơn, lại có trình độ công nghệ cao hơn so với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác - nên đây là nguồn lực quan trọng giúp cho các doanh nghiệp ngành chế tạo kim loại Việt Nam phát triển. Câu hỏi đặt ra là liệu các doanh nghiệp nội địa ngành chế tạo kim loại có thể được hưởng lợi gì khi có sự xuất hiện của các doanh nghiệp FDI? Nghiên cứu này phần nào đi tìm câu trả lời cho vấn đề nêu trên.

Ngoài kết luận và tài liệu tham khảo, kết cấu của nghiên cứu gồm 5 phần. Tiếp theo phần giới thiệu, nghiên cứu sẽ trình bày Phương pháp nghiên cứu và mô hình ước lượng bao gồm phương pháp bán tham số của Olley-Parkes (1996) để ước lượng năng suất nhân tố tổng hợp TFP; xây dựng các kênh lan tỏa theo chiều ngang và kênh lan tỏa theo chiều dọc (lan tỏa ngược và lan tỏa xuôi) từ FDI có thể tác động đến năng suất các doanh nghiệp ngành chế tạo kim loại; mô tả số liệu và cuối cùng là kết quả nghiên cứu.

3. Phương pháp nghiên cứu và mô hình ước lượng

3.1 Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu được sử dụng để nghiên cứu trong bài là dữ liệu từ các cuộc điều tra doanh nghiệp hàng năm do Tổng cục Thống kê thực hiện từ năm 2000, liên tiếp các năm đến năm 2012 với các thông tin chủ yếu về loại hình doanh nghiệp, lao động, tài sản, doanh thu, khấu hao, lợi nhuận... Các biến giá trị đã được giảm phát. Bảng cân đối liên ngành (IO) năm 2007 được sử dụng để tính các biến lan tỏa của FDI.

Trong nghiên cứu này, giá trị gia tăng được sử dụng để ước tính năng suất nhân tố tổng hợp. Giá trị gia tăng không có sẵn mà cần được tính toán từ những thành phần liên quan. Theo đó giá trị gia tăng được tính bằng hiệu của tổng sản lượng với các đầu vào trung gian. Tuy nhiên, dữ liệu về chi phí sản xuất để tính đầu vào trung gian không có sẵn trong bộ dữ liệu. Để khắc phục điều này, theo Tổng cục thống kê đưa ra, giá trị gia tăng được xác định bằng tổng hai thành phần là: (i) thu nhập người lao động và (ii) chi phí thuê vốn. Theo đó, trong nghiên cứu này, giá trị gia tăng được đo lường trên cơ sở cách tiếp cận nhân tố thu nhập mà sẽ quyết định thu nhập của người lao động và vốn một cách riêng

biệt. Các đầu vào trung gian được dùng làm biến điều khiển để ước lượng năng suất nhân tố tổng hợp theo kỹ thuật bán tham số và được xác định bằng việc lấy tổng doanh thu trừ đi giá trị gia tăng ở giá cố định.

3.2 Mô hình ước lượng

3.2.1 Mô hình xác định độ đo năng suất theo TFP

Chúng tôi đã thực hiện các ước lượng TFP ở cấp độ doanh nghiệp theo phương pháp của Olley Pakes (1996) và phương pháp Levinshon - Petrin (2003).

Sử dụng các phương pháp đã nêu thì năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) cho doanh nghiệp i vào năm t được xác định như sau:

$$TFP_{it}^j = Y_{it} - \beta_1 L_{it} - \beta_{2u} + \beta_3 K_{it}$$

Trong đó TFP_{it} là loga của TFP, Y_{it} là loga của sản lượng đầu ra thực tế của doanh nghiệp i tại thời điểm t .

Mô hình bán tham số đo lường nhân tố tổng hợp (TFP)-Thủ tục ước lượng với Hiệu chỉnh Olley-Pakes

Ước lượng bán tham số của các tham số hàm sản xuất do Olley-Pakes (1996) được sử dụng để xuất đề tính tới vấn đề nội sinh của việc lựa chọn đầu vào của doanh nghiệp. Sản lượng được xác định là giá trị gia tăng còn đầu vào là lao động và vốn.

3.2.2 Cấu trúc các biến biểu thị các kênh truyền tải ảnh hưởng của FDI

Về mặt phương pháp đánh giá tác động của FDI đến các doanh nghiệp nội địa thì vấn đề quan trọng là cần phải xây dựng được các kênh truyền tải ảnh hưởng của lan tỏa công nghệ đến các doanh nghiệp trong nước. Các kênh truyền tải cần xây dựng sẽ được mô tả chi tiết như sau:

- Biến độc lập Horizontal (Hor) cho biết mức độ tham gia của nước ngoài trong ngành đó và được tính bằng tỷ trọng vốn nước ngoài bình quân của tất cả các doanh nghiệp trong ngành, trọng số lấy bằng tỷ trọng của sản lượng từng doanh nghiệp trong sản lượng ngành:

$$Horizontal_{jt} = \frac{\sum_{i \in j} FS_{ijt} Y_{ijt}}{\sum_{i \in j} Y_{ijt}}$$

Trong đó Y_{it} là sản lượng đầu ra thực tế. Do vậy, giá trị của biến Hor tăng theo sản lượng của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và tỷ trọng vốn nước ngoài trong các doanh nghiệp này.

Trong đó FS_{ijt} là phần chia vốn nước ngoài của doanh nghiệp i trong ngành j thời gian t , chỉ mức độ tham gia của doanh nghiệp FDI trong tổng số vốn của doanh nghiệp ngành chế tạo kim loại.

- Biến độc lập Backward (Back) lan tỏa ngược: biểu thị mức độ tham gia của nước ngoài trong các ngành mà ngành cung cấp đầu vào cho chúng có các doanh nghiệp mà chúng ta đang nghiên cứu, và do vậy nó sẽ phản ánh mức độ hợp tác giữa các nhà cung cấp nội địa với các khách hàng là doanh nghiệp đa quốc gia. Nó được tính như sau:

$$Backward_{jt} = \sum_{k \neq j} a_{jk} Horizontal_{kt}$$

Trong đó a_{jk} là tỷ trọng của sản lượng ngành j được cung cấp cho ngành k , nó được rút ra từ ma trận I-O (2007) với 2 chữ số.

- Biến độc lập Forward (For) lan tỏa xuôi: biểu thị mức độ tham gia của nước ngoài với bên mua tại địa phương là các doanh nghiệp chế tạo kim loại, được định nghĩa như sau:

$$Forward_{jt} = \sum_{l \neq j} \delta_{jl} Horizontal_{lt}$$

Trong đó phần tỷ lệ δ_{jl} của đầu vào của ngành chế tạo kim loại j mua từ ngành l ở thời gian t . Các đầu vào mua ở bên trong ngành chế tạo kim loại bị loại, vì nó đã được bao hàm trong biến Horizontal.

- Biến độc lập Supply backward (Sback) nắm bắt giả thiết của Markusen và Venables được xây dựng theo cách sau:

$$Sbackward_{jt} = \sum_{l \neq j} \delta_{jl} Backward_{lt}$$

Trong đó phần tỷ lệ δ_{jl} của đầu vào của ngành j (ngành chế tạo kim loại) mua từ ngành l ở thời gian t mà đến lượt nó lại cung cấp đầu vào cho các doanh nghiệp nước ngoài. Như đã định nghĩa Backward biểu thị cho mức độ tham gia của nước ngoài trong các ngành mà ngành cung cấp đầu vào cho chúng. L^*it (lao động có kỹ

năng)- tổng thu nhập bình quân cho một công nhân ở xí nghiệp i thời gian t .

Để xem xét mối tương quan giữa năng suất doanh nghiệp và sự hiện diện của phía nước ngoài trong nội bộ ngành đó hoặc các ngành giai đoạn sau của chuỗi sản xuất, chúng ta áp dụng cách tiếp cận mà đã được các nghiên cứu trước đây sử dụng và ước lượng một số dạng khác nhau của phương trình. Do đó, mô hình bán tham số đánh giá tác động của FDI đến năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) các doanh nghiệp ngành chế tạo kim loại có thể được mô tả:

$$\begin{aligned} LnTFP_{it}^j = & \alpha + \beta_1 LnK_{it}^j + \beta_2 LnL_{it}^j \\ & + \beta_3 Lnvn_{it}^j + \beta_4 LnL_{it}^j + \beta_5 kl_{it}^j \\ & + \beta_6 FS_{it}^j + \beta_7 Horizontal_{jt} \\ & + \beta_8 Forward_{jt} + \beta_9 Backward_{jt} \\ & + \beta_{10} Sbackward_{jt} + \alpha_t + \alpha_j + \varepsilon_{it} \end{aligned}$$

Vector các biến biểu thị các nhân tố bên trong doanh nghiệp gồm các biến độc lập được cho như sau:

$Vng = 1 - (\text{Vốn chủ sở hữu}/\text{Tổng nguồn vốn}) = \text{Tổng nợ}/\text{Tổng tài sản}$, biểu thị vốn vay từ bên ngoài.

K_{it}^j - vốn của hãng i , ngành j (ngành chế tạo kim loại) năm t , được định nghĩa là giá trị của tổng tài sản đầu năm, được giảm phát. FS_{it}^j - phần chia vốn của nhà đầu tư nước ngoài trong hãng i , ngành j năm t .

L : Lao động kl_{it}^j - mức trang bị vốn trên lao động hãng i , ngành j năm t , xấp xỉ $= (\text{Tổng vốn}/\text{Lao động})$

Các biến biểu thị các kênh truyền tải FDI đến các doanh nghiệp ngành chế tạo kim loại như được định nghĩa ở trên (biến FS , Hor , For , $Back$, $Sback$).

Các kết quả ước lượng và thảo luận Trước hết ta kiểm tra liệu các giả thuyết chủ yếu của tiếp cận OP có thỏa mãn không, nghĩa là, đầu tư tăng một cách đơn điệu theo các mức tăng TFP được đo lường với các quan sát đầu tư dương không? Ta ước lượng mô hình ảnh hưởng cố định ở mức doanh nghiệp của loga tổng đầu tư của TFP và các biến giả theo năm như là các biến giải thích và điều chỉnh cho các cụm của bất kỳ biến nào. Hệ số ước lượng cho loga của

TFP là 0,0000 cho toàn mẫu và khác không ở mức ý nghĩa 1%, và do đó chỉ ra rằng là hợp lý khi sử dụng tiếp cận OP để ước lượng hàm sản

xuất cho bộ số liệu của các doanh nghiệp ngành chế tạo kim loại ở cấp độ doanh nghiệp ở Việt Nam.

Bảng 1: Ước lượng TFP của các doanh nghiệp ngành chế tạo kim loại bằng phương pháp bán tham số

	TFP ước lượng từ phương pháp Olley-Pakes (Đầu tư làm biến điều khiển)	TFP ước lượng từ phương pháp Levinshon-Pertrin (Đầu vào trung gian làm biến điều khiển)
<i>Biến</i>	<i>Hệ số</i>	<i>Hệ số</i>
Lnl	0,0204** (0,0083)	0,0734** (0,0346)
Lnk	-0,1767*** (0,0063)	-0,0133 (0,0337)
Fs	4,7878** (2,0672)	8,8807** (3,6883)
Hor	-9,9049*** (0,7726)	-4,9003*** (1,0079)
For	-0,0148*** (0,0020)	-0,0117*** (0,0027)
Back	-0,0075*** (0,0028)	-0,0015 (0,0042)
Sback	0,0196*** (0,0051)	-0,0016 (0,0070)
Kl	0,000028*** (8.00e-06)	-0,0000931 (0,0001566)
Lc	0,0013*** (0,00008)	0,0413*** (0,0105)
Vng	0,1021*** (0,0159)	-0,1180*** (0,0213)
Tổng số quan sát	54526	49286
Số nhóm	13989	13193

Ghi chú: Phương pháp bán tham số gọi chung cho phương pháp ước lượng TFP bằng phương pháp Olley - Pakes và phương pháp của Levinshon - Petrin.

*** mức ý nghĩa 5%; ***: mức ý nghĩa 1%*

Từ Bảng 1 cho thấy hệ số ước lượng của đầu vào lao động dương và có ý nghĩa thống kê 5%. Điều này hàm ý khi các doanh nghiệp nội địa gia tăng lao động thì năng suất của doanh nghiệp cũng sẽ tăng. Đối với đầu vào vốn thì hệ số ước lượng thu được có ý nghĩa thống kê cao với mức ý nghĩa 1% nhưng mang dấu âm.

Tác động của FDI thông qua các biến biểu thị các kênh lan tỏa ngang, dọc và ngược cung cho thấy các hệ số của các biến Hor, For, Back, Sback đều có ý nghĩa thống kê cao ở mức ý nghĩa 1%. Hệ số biến Hor mang dấu âm là vì: khi có sự xuất hiện của các doanh nghiệp nước ngoài trong ngành chế tạo kim loại khiến xảy ra hiện tượng chảy máu chất xám. Những người lao động lành nghề, có kinh nghiệm cao của các doanh nghiệp trong nước chuyển sang các doanh nghiệp nước ngoài. Điều này làm ảnh hưởng tới năng suất sản xuất của các doanh nghiệp trong nước, chi phí nhân công cũng có xu hướng tăng do các doanh nghiệp nước ngoài trả công cao hơn. Khi xuất hiện các doanh nghiệp FDI thì tạo động lực cho các doanh nghiệp địa phương phải cải thiện để có thể cạnh tranh và đứng vững trên thị trường. Tuy nhiên để thu hút FDI thì Chính phủ Việt Nam đưa ra nhiều ưu đãi về thuế như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất...theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, làm cho các doanh nghiệp trong nước khó có thể cạnh tranh và mất đi thị phần. Hệ số của biến For cũng mang dấu âm, điều này được giải thích như sau: Do các doanh nghiệp FDI có trình độ công nghệ và nguồn nhân lực tốt có thể tạo ra những sản phẩm chất lượng cao. Khi các doanh nghiệp FDI cung cấp đầu vào cho các doanh nghiệp nội địa thì các doanh nghiệp khó hấp thụ được dẫn tới giảm năng suất sử dụng các đầu vào này. Một điểm cần lưu ý nữa là thường thì các doanh nghiệp FDI sẽ yêu cầu đầu vào chất lượng tốt, giao hàng đúng, đủ, phù hợp với công nghệ của doanh nghiệp, từ đó các doanh nghiệp nội địa nếu muốn cung cấp đầu vào cho các doanh nghiệp FDI thì phải tự cải thiện lên. Nhưng trên thị trường vẫn còn tồn tại một số doanh nghiệp FDI chưa tốt, sử dụng đầu vào có chất lượng thấp hoặc hàng giả, hàng nhái khiến các doanh

nghiệp trong nước không có động lực tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, điều này làm giảm năng suất của các doanh nghiệp, tức là hệ số của biến Back âm. Cuối cùng, hệ số của biến Sback – lan tỏa ngược cung thì lại mang giá trị dương, do yêu cầu đầu vào của doanh nghiệp FDI các ngành khiến các nhà cung cấp nội địa cần phải nâng cao chất lượng sản phẩm, điều này thúc đẩy các nhà cung cấp nội địa đầu tư và sản xuất các đầu vào theo các tiêu chuẩn chất lượng cao hơn. Việc này không chỉ có một tác động dương lên năng suất của các nhà cung cấp nội địa mà còn có thể kích thích năng suất của các khách hàng doanh nghiệp nội địa trong ngành chế tạo kim loại của họ.

Đối với các biến đặc trưng doanh nghiệp, hệ số của các biến này đều dương và có ý nghĩa thống kê cao với mức ý nghĩa 1%. Cụ thể, biến KI cho biết khi tăng hệ số trang bị vốn trên lao động thì sẽ thúc đẩy tăng năng suất các doanh nghiệp nội địa. Mặc dù có hiện tượng chảy máu chất xám khi xuất hiện các doanh nghiệp FDI nhưng những người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong nước vẫn có cơ hội học hỏi nâng cao trình độ và kỹ năng làm việc làm tăng năng suất doanh nghiệp khi doanh nghiệp gia tăng đầu tư vốn. Nếu trình độ lao động càng cao thì doanh nghiệp cần tăng lương cho người lao động để giữ chân họ, điều đó cũng tạo động lực cho người lao động làm việc hiệu quả, từ đó góp phần gia tăng năng suất doanh nghiệp, thể hiện ở hệ số ước lượng biến Lc dương. Ngoài ra, mô hình cũng cho thấy rằng việc sử dụng vốn vay từ bên ngoài có tác động tốt đến việc tăng năng suất doanh nghiệp vì biến Vng cho hệ số ước lượng dương.

5. Kết luận

Bài viết này tìm hiểu về mặt thực nghiệm tác động lan tỏa của FDI đến năng suất các doanh nghiệp ngành chế tạo kim loại Việt Nam. Sử dụng mô hình bán tham số để ước lượng TFP theo hai phương pháp Olley-Pakes và Levinshon-Petrin. Kết quả cho thấy tác động của FDI đến tăng trưởng năng suất nhân tố tổng hợp là âm, tức là trong ngành chế tạo kim loại, các doanh nghiệp trong nước không được hưởng lợi từ việc thu hút FDI vào ngành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- Hà Quỳnh Hoa, Đoàn Thanh Sơn, Trần Mạnh Dũng, Nguyễn Ánh Tuyết, Đinh Thị Hồng Thêu, “Tác động của FDI lên năng suất và hội tụ năng suất ở cấp độ doanh nghiệp của ngành chế tác”. Hội tụ năng suất, hiệu quả và hội tụ thu nhập theo vùng, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
- Nguyễn Khắc Minh, Kỹ yếu hội thảo khoa học, 2015, Hội tụ năng suất, tiền lương, hiệu quả và TFP theo vùng, trường Đại học Kinh tế quốc dân và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.
- Nguyễn Khắc Minh, Phạm Khánh Linh và Nguyễn Bá Hùng (2014), “Tác động của lan tỏa công nghệ đến tốc độ hội tụ của ngành Phi kim”, KT&PT, số 209 tháng 11 năm 2014. Tr. 95-101. ISSN. 1859-0012.
- Nguyễn Thị Tuệ Anh và các cộng sự, “Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam”, dự án Sida, 2/2006.

Tiếng Anh

- Abraham, F., Konings, J. & Slootmaekers, V. (2006), “FDI spillovers, firm heterogeneity and

degree of ownership: Evidence from Chinese manufacturing”, Working Paper, Katholieke Universiteit Leuven.

- Aitken, B. J. and A. Harrison. 1999, “Do Domestic Firms Benefit from Direct Foreign Investment? Evidence from Venezuela”, American Economic Review 89: 605-618.
- Akinori Tomohara, Kazuhiko Yokota, “Does Foreign Direct Investment Benefit Domestic Companies via Increased Productivity: Horizontal, Backward, and Forward Linkages”, Working Paper Series Vol. 2006-07 May 2006.
- Nguyen Khac Minh & Nguyen Viet Hung (2008), “Foreign direct investment and productivity growth in some sub-industries of Vietnam's manufacturing firms, 2000-2005: Semi-parameter approaches”, Proceedings of Growth, structural change and policies in Vietnam since Doimoi 89-103.
- Ping LIN, Zhuomin LIU, and Yifan ZHANG, “Do Chinese Domestic Firms Benefit from FDI Inflow? Evidence of Horizontal and Vertical Spillovers”, China Economic Review 20.4(2009): 677-691.